

Vietnam Daily Review

Thị trường giằng co quanh vùng đáy cũ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/6/2022	•		
Tuần 20/6-24/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giằng co quanh vùng 1170 trong cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa giảm 3 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 9/19 ngành tăng điểm. Các ngành có diễn biến tốt trong thời gian qua như Bán lẻ, Công nghệ thông tin, Thủy sản, Tiện ích suy giảm. Trong khi đó, ở diễn biến ngược lại, cổ phiếu Chứng khoán và Thép lại tăng vọt. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng nhẹ trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Phiên giao dịch hôm nay tiếp tục cho thấy sự lưỡng lự của thị trường khi gặp ngưỡng hỗ trợ cũ quanh vùng 1160-1180. Nếu mất ngưỡng hỗ trợ này, mô hình hai đáy sẽ bị phá vỡ khả năng VN-Index sẽ lùi tiếp về vùng 1100.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-3.2** điểm, đóng cửa **1169.27** điểm. HNX-Index **4.77** điểm, đóng cửa **269.39** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.72)**, **VPB (+1.44)**, **MBB(+1.02)**, **HPG (+0.84)**, **VIB (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-3.81)**, **VCB (-2.03)**, **MSN (-1.75)**, **VNM (-1.60)**, **FPT (-1.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11.913 tỷ đồng, giảm **12.31%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13.315 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 22.88 điểm. Thị trường có **295** mã tăng, 42 mã tham chiếu và **181** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **24.09 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFN** (56.28 tỷ), **HPG (38.61 tỷ)**, **STB (36.76 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.66 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1169.27**

Giá trị: 11913.03 tỷ

-3.2 (-0.27%)

Khối ngoại (ròng): 24.09 tỷ

HNX-INDEX **269.39**

Giá trị: 1282.12 tỷ

4.77 (1.8%)

Khối ngoại (ròng): -2.66 tỷ

UPCOM-INDEX **85.63**

Giá trị: 1.11 tỷ

0.6 (0.71%)

Khối ngoại(ròng): 24.79 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	104.8	-4.34%
Giá vàng	1,825	-0.45%
Tỷ giá USD/VND	23,240	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	24,415	-0.45%
Tỷ giá JPY/VND	17,048	0.30%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	0.34%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFN	56.3	VHM	-87.6
HPG	38.6	VNM	-55.8
STB	36.8	MWG	-50.4
VGC	32.0	NVL	-39.1
GMD	31.3	VCI	-36.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	110.65	0.43%	-6.96%	0.33%	51.89%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	114.74	0.60%	-5.31%	3.57%	53.38%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.81	-0.89%	-4.65%	3.48%	71.20%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1833.07	-0.28%	1.38%	-1.09%	3.07%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	21.69	0.50%	2.91%	-0.38%	-15.77%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1681.00	-0.87%	-1.03%	-0.36%	20.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	975.25	-5.50%	-7.14%	-18.05%	49.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.31	0.04%	0.00%	-3.11%	40.28%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	266.00	1.53%	4.77%	8.48%	11.62%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	2416.00	1.21%	3.87%	-1.43%	2.37%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	1002.10	-1.88%	-8.59%	-15.50%	35.00%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	233.10	2.39%	2.71%	8.04%	54.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.03	0.93%	-3.22%	-7.28%	-4.89%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4327.00	-2.44%	-7.15%	-9.70%	-9.10%		
Nhôm	USD/ton	2532.00	0.20%	-1.48%	-14.34%	4.42%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	115.00	-8.00%	-16.36%	-12.88%	-45.37%		HPG
Than đá	USD/ton	392.75	0.87%	0.61%	-5.59%	212.95%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.29% xuống 109.2 USD/thùng vào sáng ngày 22/6. Giá dầu thô Brent giao tháng 8 cũng giảm 0.64% xuống 114.14 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trong phiên ngày 21/6 do nhu cầu nhiên liệu trong mùa hè cao, trong khi nguồn cung duy trì thắt chặt vì các lệnh trừng phạt đối với dầu thô Nga sau cuộc tấn công vào Ukraine.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 22/6, giá vàng giao ngay giảm 0.08% xuống 1,831.3 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 8 cũng giảm 0.32% xuống 1,832.95 USD.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch ngày 21/6 vì lợi suất trái phiếu Mỹ tăng và các nhà đầu tư đặt cược vào những đợt tăng lãi suất mạnh tay, theo đó làm giảm sức hấp dẫn của kim loại quý bất chấp sự suy yếu của đồng USD.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 253 yen/kg, giảm 0.24% (tương đương 0.6 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh xuống mức 12,565 nhân dân tệ/tấn, giảm 0.36% (tương đương 45 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,087 USD/tấn sau khi tăng 1.11% (tương đương 23 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 233.1 US cent/pound, tăng 2.39% (tương đương 5.45 US cent).

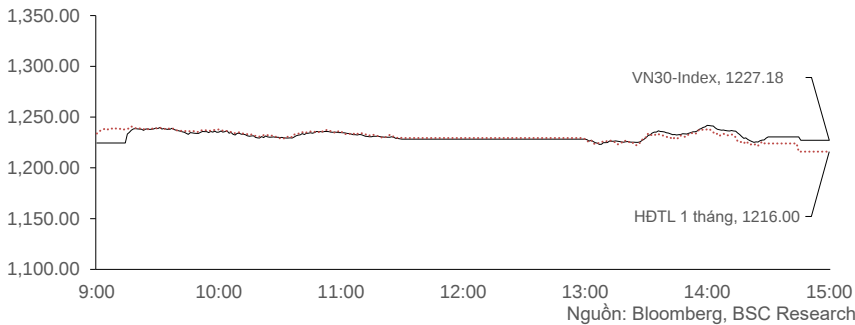
Thị trường chứng khoán thế giới

	22/6	% 22/6	21/6	% 21/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1169.27	-0.27%	1172.47	-0.67%	-3.68%	-4.06%
S&P 500			3764.79	2.45%	0.40%	-4.05%
HĐTL S&P500	3700.50	-1.78%	3767.75	2.50%	-1.06%	-5.12%
Shang-hai	3267.20	-1.20%	3306.72	-0.26%	-1.16%	3.83%
Euro Stoxx	3425.91	-1.95%	3494.00	0.70%	-3.01%	-7.62%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1285.30	2.72%	58.12	-20.2%	284,892	6/16/2022	0
VN30F2207	1216.00	-0.98%	-11.18	-19.8%	404,680	7/21/2022	31
VN30F2209	1219.60	-0.43%	-7.58	23.4%	174	9/15/2022	87
VN30F2212	1220.00	-0.36%	-7.18	17.7%	166	12/15/2022	178

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.64 điểm lên 1227.18 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, STB, MBB và HPG đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HDTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở hầu hết các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. VN30 trong phiên hôm nay tiếp tục vận động quanh vùng đáy ngắn hạn với thanh khoản thấp, các tín hiệu kỹ thuật có dấu hiệu tích cực.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2207	10/20/2022	120	8:1	1,240,700	38.74%	1,000	320	18.52%	118	2.71	36,133	33,333	28,500
CVPB2203	7/15/2022	23	16:1	21,500	37.22%	1,000	350	12.90%	26	13.68	35,928	28,888	28,400
CHDB2205	10/20/2022	120	5:1	33,900	39.21%	1,000	540	3.85%	222	2.43	30,661	27,111	23,600
CFPT2202	6/24/2022	2	8.25:1	199,100	32.25%	1,700	1,900	1.60%	1,829	1.04	89,066	89,700	84,500
CVPB2204	11/15/2022	146	16:1	10,300	37.22%	1,000	620	0.00%	85	7.32	42,728	30,888	28,400
CVIC2204	8/22/2022	61	16:1	296,300	24.95%	1,000	330	0.00%	45	7.26	89,733	83,333	75,000
CVNM2205	10/20/2022	120	16:1	50,000	25.43%	1,000	550	-3.51%	148	3.71	86,559	79,999	70,600
CVIC2205	10/20/2022	120	16:1	276,100	24.95%	1,100	480	-4.00%	72	6.63	95,466	86,666	75,000
CNVL2202	8/15/2022	54	16:1	103,700	24.70%	1,000	300	-6.25%	86	3.49	85,759	79,999	75,500
CVIC2202	8/15/2022	54	16:1	17,000	24.95%	1,100	290	-6.45%	48	5.99	88,622	82,222	75,000
CNVL2204	9/20/2022	90	16:1	148,000	24.70%	1,000	320	-11.11%	54	5.98	92,559	85,999	75,500
CVNM2206	10/19/2022	119	9:1	19,500	25.43%	1,950	830	-12.63%	261	3.18	85,670	80,000	70,600
CVHM2208	7/11/2022	19	8:1	170,200	26.32%	1,200	970	-14.91%	374	2.59	79,000	6,900	64,800
CPNJ2201	9/20/2022	90	8:1	337,900	40.37%	2,300	3,100	-15.07%	3,325	0.93	121,020	95,500	116,000
CMSN2204	11/7/2022	138	10:1	649,600	41.87%	1,900	1,210	-15.97%	991	1.22	129,200	116,500	106,000
CVNM2204	10/7/2022	107	10:1	447,500	25.43%	1,500	720	-18.18%	493	1.46	78,400	73,000	70,600
CFPT2201	9/20/2022	90	6.6:1	937,000	32.25%	2,100	1,300	-21.21%	1,057	1.23	98,394	106,000	84,500
CVNM2203	8/15/2022	54	20:1	516,000	25.43%	1,000	180	-25.00%	37	4.83	84,311	81,111	129,300
CPOW2201	7/15/2022	23	5:1	897,000	53.42%	1,000	90	-30.77%	20	4.51	17,766	16,666	13,000
CFPT2108	7/6/2022	14	4.95:1	92,500	32.25%	3,280	860	-33.85%	584	1.47	95,269	106,835	84,500
Tổng				5,223,100	31.45%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2204 và CHPG2206 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 9.83%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 26.92% thị trường.
- CACB2102, CPNJ2201, CVHM2208 và CFPT2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2202, CKDH2204, CVHM2115 và CHDB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	69.8	-5.0%	0.7	4,442	12.1	3,515	19.9	4.6	48.9%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	116.0	-3.2%	0.7	1,222	3.5	5,443	21.3	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	51.1	-0.8%	1.3	1,649	1.9	2,529	20.2	1.8	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.9	2.1%	0.6	498	0.1	3,644	13.4	1.5	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	75.0	0.0%	0.5	12,437	4.6	(578) #N/A	N/A	2.7	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.5	1.8%	1.1	2,816	1.5	401	71.1	2.1	31.2%	3.0%
VHM	Bất động sản	64.8	-0.3%	0.8	12,268	9.7	8,786	7.4	2.2	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	18.9	2.4%	1.5	499	5.7	1,503	12.6	1.2	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	8.9%	1.7	764	9.1	2,841	6.2	1.2	34.6%	22.6%
VCI	Chứng khoán	32.8	6.8%	1.0	478	4.8	4,884	6.7	1.5	18.9%	26.9%
HCM	Chứng khoán	19.0	6.8%	1.7	377	1.8	2,619	7.2	1.1	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	84.5	-5.2%	0.9	4,030	11.3	4,293	19.7	4.8	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	67.7	-0.4%	0.4	966	0.1	4,926	13.7	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.2	-6.9%	0.9	9,254	9.3	5,109	21.8	3.9	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	39.5	1.3%	1.5	2,182	0.9	1,950	20.3	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	22.5	-8.9%	1.5	468	16.7	1,408	16.0	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	25.6	-8.6%	0.8	3,451	31.8	2,108	12.1	2.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	86.0	0.0%	0.3	489	0.0	6,105	14.1	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	51.7	-6.8%	1.2	880	9.0	12,920	4.0	1.7	17.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	34.3	-6.9%	1.2	788	8.4	5,643	6.1	2.0	10.9%	38.9%
VCB	Ngân hàng	76.0	-2.2%	0.8	15,638	3.5	4,855	15.7	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	30.5	0.7%	1.2	6,708	2.0	2,266	13.5	1.8	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	23.6	2.4%	1.5	4,931	2.8	2,558	9.2	1.2	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.4	4.4%	1.2	5,489	8.6	3,874	7.3	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	23.5	4.5%	1.3	3,852	10.6	3,623	6.5	1.4	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	23.8	3.3%	1.1	3,488	2.6	3,081	7.7	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.0	0.2%	0.7	192	0.1	3,150	17.1	1.8	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	38.0	-1.6%	0.6	195	0.1	3,990	9.5	1.6	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	17.4	0.0%	1.5	832	0.1	178	97.8	1.3	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.5	3.4%	1.1	5,436	20.0	5,726	3.8	1.3	21.3%	40.4%
HSG	Thép	15.1	6.7%	1.6	324	4.3	7,157	2.1	0.6	7.1%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	70.6	-4.2%	0.6	6,415	6.9	4,390	16.1	4.6	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	156.0	0.6%	0.8	4,350	0.9	5,969	26.1	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	106.0	-4.5%	1.0	6,562	3.8	7,041	15.1	5.5	28.9%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	15.3	3.0%	1.6	419	0.6	1,144	13.4	1.1	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	76.2	0.3%	0.8	7,212	0.7	363	210.0	4.4	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	129.3	1.2%	1.1	3,045	5.2	361	357.7	4.1	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	15.4	2.7%	1.7	1,478	0.5	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.6	-2.2%	0.9	650	6.5	2,256	22.0	2.3	45.2%	10.8%
PVT	Vận tải	18.5	-6.8%	1.4	260	3.6	2,088	8.9	1.1	11.9%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.8	-0.1%	0.9	513	0.1	10,540	7.0	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	49.2	0.0%	0.7	959	3.0	3,677	13.4	2.8	5.2%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	2.4%	1.2	251	0.4	783	19.3	1.1	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	50.6	0.2%	1.3	162	0.3	(27) #N/A	N/A	0.5	47.9%	0.0%
CII	Xây dựng	15.9	6.7%	1.4	174	2.2	1,266	12.6	0.7	10.2%	6.1%
REE	Điện	79.8	-6.9%	-1.4	1,233	7.7	5,994	13.3	2.1	48.7%	16.7%
PC1	Điện	36.7	-7.0%	-0.4	375	6.7	3,238	11.3	1.8	4.9%	16.9%
POW	Điện	13.0	-6.8%	0.6	1,324	21.5	859	15.1	1.0	2.3%	6.9%
NT2	Điện	23.4	-7.0%	0.6	293	6.3	1,933	12.1	1.5	13.4%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	28.5	-0.3%	1.5	951	3.3	866	32.9	1.5	18.7%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.0	-3%	0.9	2,790	0.4	1,190	52.1	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	34.80	5.45	1.66	6.21MLN
VPB	28.40	4.41	1.42	7.05MLN
MBB	23.45	4.45	0.99	10.47MLN
HPG	21.50	3.37	0.82	21.44MLN
CTG	23.60	2.39	0.69	2.77MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-4.16	1.89MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-2.11	1.07MLN	607060
MSN	0.00	-1.86	802700	373600
VNM	0.00	-1.70	2.21MLN	192700
FPT	-0.01	-1.10	2.97MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSB	16.05	7.00	0.42	1.36MLN
KHG	6.58	6.99	0.05	1.07MLN
TVB	6.58	6.99	0.01	379600
TEG	8.88	6.99	0.01	615400
CTS	14.55	6.99	0.03	543700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGW	111.60	-7.00	-0.20	1.11MLN
VSH	41.85	-7.00	-0.20	491100
GIL	49.20	-6.99	-0.06	780400.00
ABR	13.30	-6.99	-0.01	300
IDI	21.30	-6.99	-0.10	4.64MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

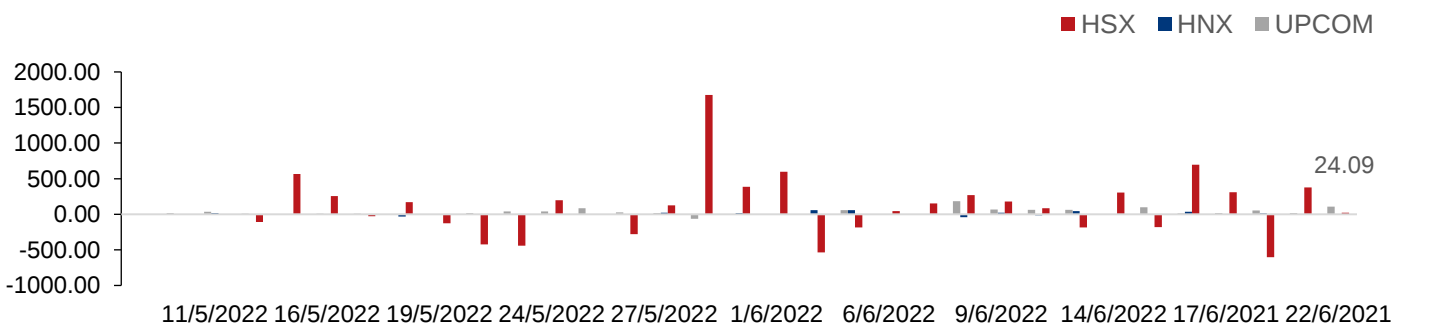
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	16.30	4.49	0.80	15600.00
CEO	25.40	9.96	0.75	3.48MLN
SHS	14.00	5.26	0.73	6.91MLN
IDC	48.00	2.78	0.49	1.10MLN
HUT	24.70	5.11	0.41	2.51MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	22.50	-8.91	-0.88	16.59MLN
TNG	27.80	-7.33	-0.26	4.31MLN
VIF	17.10	-10.00	-0.11	700
TAR	24.00	-8.05	-0.11	1.58MLN
PVC	15.50	-6.06	-0.06	1.87MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSQ	3.30	10.0	0.01	173400
CEO	25.40	10.0	0.75	3.48MLN
L14	108.30	10.0	0.33	327300
TVC	7.80	9.9	0.11	1.28MLN
VGS	15.60	9.9	0.04	93600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNC	55.80	-10.00	-0.01	500
VIF	17.10	-10.00	-0.11	700
PDB	14.60	-9.88	-0.01	33100
VTZ	8.30	-9.78	-0.02	5200
CTT	13.90	-9.74	-0.01	200

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	61.5	3,434	17.9	5.0	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.0	1,701	7.6	0.5	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	23.4	1,933	12.1	1.5	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	73.5	10,029	7.3	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	84.0	4,874	17.2	5.4	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	36.7	3,238	11.3	1.8	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.4	-129	#N/A N/A	0.6	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.5	4,293	19.7	4.8	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.7	2,466	10.8	1.7	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	16.5	9,632	1.7	0.7	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	859	15.1	1.0	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	69.8	3,515	19.9	4.6	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.5	2,088	8.9	1.1	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	112.0	8,710	12.9	5.7	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.5	5,726	3.8	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	28.5	866	32.9	1.5	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	21.5	5,084	4.2	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	18.9	1,503	12.6	1.2	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	111.6	8,596	13.0	5.0	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	53.4	2,136	25.0	2.7	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.8	2,701	10.3	1.9	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	87.5	8,331	10.5	2.5	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.2	1,941	15.0	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.9	3,644	13.4	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.5	1,408	16.0	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	111.2	5,109	21.8	3.9	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.6	3,141	5.9	1.2	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	50.6	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.0	1,701	7.6	0.5	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.2	1,350	6.8	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.2	1,350	6.8	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	9.1	2,433	3.7	0.7	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	69.8	3,515	19.9	4.6	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	41.7	2,762	15.1	2.9	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	34.8	1,900	18.3	1.5	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.6	2,108	12.1	2.1	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	14.2	1,034	13.7	0.8	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	87.5	8,331	10.5	2.5	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.9	2,916	14.4	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.7	689	17.0	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	16.6	1,956	8.5	0.9	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.5	3661.8	11.6	1.7	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.4	1,933	12.1	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639